



PHÂN TÍCH TÁC ĐỘNG CỦA MANH MÚN ĐẤT ĐAI ĐẾN AN NINH LƯƠNG THỰC HỘ SẢN XUẤT LÚA: TRƯỜNG HỢP NGHIÊN CỨU Ở THỊ XÃ HƯƠNG THỦY, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Nguyễn Thái Phán^{1, *}, Nguyễn Thị Vĩnh Hằng¹, Nguyễn Đức Kiên¹,
Đinh Thị Kinh Oanh², Lê Anh Quý¹

¹ Trường Đại học Kinh tế, Đại học Huế, 99 Hồ Đắc Di, Huế, Việt Nam

² Trường Đại học Nông Lâm, Đại học Huế, 102 Phùng Hưng, Huế, Việt Nam

* Tác giả liên hệ: Nguyễn Thái Phán <ntphan@hce.edu.vn>

(Ngày nhận bài: 22-8-2022; Ngày chấp nhận đăng: 16-2-2023)

Tóm tắt. Mục tiêu của nghiên cứu là xác định ảnh hưởng của manh mún đất đai đến an ninh lương thực của hộ gia đình sản xuất lúa ở thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế. Nghiên cứu đã sử dụng phương pháp chọn mẫu thuận tiện với 150 chủ hộ để tiến hành phỏng vấn. Nghiên cứu áp dụng hồi quy Probit để ước tính tác động của manh mún đất đai và các yếu tố khác đến mức độ an ninh lương thực của hộ gia đình. Kết quả cho thấy rằng mức độ manh mún đất đai cao có thể làm giảm mức độ đảm bảo an ninh lương thực của hộ gia đình. Bên cạnh đó, các nhân tố khác như áp dụng giống lúa mới trong sản xuất có tác động tích cực đến an ninh lương thực của hộ điều tra. Từ kết quả nghiên cứu, chúng tôi khuyến nghị thúc đẩy quá trình đồn điền đổi thửa, phát triển các giống lúa mới để giúp các hộ sản xuất hiệu quả hơn và giảm tình trạng mất an ninh lương thực của hộ gia đình.

Từ khóa: manh mún đất đai, an ninh lương thực, Thừa Thiên Huế, Probit

Analyzing the impact of land fragmentation on household food security in rice-producing households: A case study in Huong Thuy town, Thua Thien Hue province

Nguyễn Thái Phán^{1,*}, Nguyễn Thị Vinh Hằng¹, Nguyễn Đức Kiên¹,
Đinh Thị Kinh Oanh², Lê Anh Quy¹

¹ University of Economics, Hue University, 99 Ho Duc Di St., Hue, Vietnam

² University of Agriculture and Forestry, Hue University, 102 Phung Hung St., Hue, Vietnam

* Correspondence to Nguyễn Thái Phán <ntphan@hce.edu.vn>

(Received: August 22, 2022; Accepted: February 16, 2023)

Abstract. The objective of the study is to determine the impact of land fragmentation on the food security of households in Huong Thuy town, Thua Thien Hue province. The study interviewed 150 rice-cultivating farmers using the convenience sampling method. We applied the Probit regression to estimate the relationship between land fragmentation and other factors on household food security in rice production. The results show that households with a higher degree of land fragmentation are likely to be associated with food insecurity. In addition, the study also found that factors such as adoption of new rice varieties in production can improve household food security. The findings recommend that local authorities should promote the process of land consolidation and adoption of new varieties to help households produce more efficiently and reduce food insecurity problems in their families.

Keywords: land fragmentation, food security, Thua Thien Hue, Probit

1 Đặt vấn đề

Trong những năm qua, Việt Nam là một trong những nền kinh tế phát triển nhanh nhất ở châu Á và ngành nông nghiệp đóng một vai trò quan trọng vào sự phát triển kinh tế của cả nước [1, 2]. Báo cáo của Tổng cục Thống kê Việt Nam cho thấy nông nghiệp chiếm 23% GDP và cung cấp trên 50% lực lượng lao động cho cả nước vào năm 2020 [3] và phần lớn dân số sống ở nông thôn [4].

Trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp, đất đai là một trong những nguồn lực thiết yếu [5]. Kể từ khi thực hiện chính sách 'Đổi mới' năm 1986, chính sách đất đai ở nước ta đã có nhiều thay đổi nhằm hỗ trợ phát triển kinh tế hộ như một đơn vị kinh tế hàng hóa có quyền tự chủ [6]. Nhờ

đó, nguồn lực đất nông nghiệp được sử dụng hiệu quả hơn, thể hiện cụ thể qua năng suất cây trồng cao hơn và phúc lợi của người sản xuất dần được cải thiện [7]. Việt Nam đã nhanh chóng trở thành một quốc gia xuất khẩu gạo lớn thứ 3 trên thế giới [8]. Qua 11 tháng năm 2022 lượng gạo xuất khẩu của Việt Nam đạt trên 6,67 triệu tấn, tương đương với kim ngạch trên 3,23 tỷ USD, tăng 16% về khối lượng so với năm trước [9].

Mặc dù ngành lúa gạo nước ta đạt được nhiều thành tựu lớn trong ba thập kỷ qua, vẫn tồn tại nhiều thách thức và rào cản kìm hãm sự phát triển của ngành này. Tình trạng manh mún đất đai là một trong những thách thức lớn nhất đã và đang cản trở sự phát triển ngành sản xuất lúa gạo nước ta [10]. Đất đai manh mún và nhỏ lẻ là một trong những nguyên nhân khiến hoạt động trồng lúa mang lại lợi nhuận thấp [11]. Đất canh tác manh mún chủ yếu do số lượng thửa ruộng bình quân trên hộ cao [10]. Tình trạng manh mún đất sản xuất có thể ảnh hưởng đến hiệu quả của các hoạt động sản xuất và phúc lợi của hộ gia đình, thông qua tăng chi phí sản xuất, giảm hiệu quả sử dụng đầu vào, giảm lợi nhuận thu được từ hoạt động sản xuất, hạn chế khả năng tiếp cận các nguồn thực phẩm của hộ gia đình... Do đó, đảm bảo an ninh lương thực cho các hộ sản xuất nông nghiệp có mối quan hệ chặt chẽ với nguồn lực của hộ, nhất là đất đai [11]. Những năm qua, Việt Nam đã có những thành tích trong hoạt động xóa đói giảm nghèo, nhưng tình trạng mất an ninh lương thực vẫn tồn tại ở cấp hộ gia đình. Năm 2018, Việt Nam có 105.000 hộ gia đình (420.000 người) thiếu đói [12]. Quản lý sử dụng đất nông nghiệp hiệu quả là một chính sách quan trọng để giải quyết vấn đề mất an ninh lương thực bởi vì 66% hộ gia đình nông thôn và 77% hộ nghèo vẫn liên quan đến sản xuất lúa [12, 13]. Điều này đặt ra câu hỏi về mối liên hệ giữa mất an ninh lương thực và tình trạng manh mún ruộng đất ở nhiều hộ gia đình nông thôn mà nghiên cứu này cố gắng tìm hiểu thông qua trường hợp của nông hộ ở Thị xã Hương Thủy.

Hương Thủy là một thị xã nằm ở phía nam của thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế. Diện tích đất nông nghiệp tính đến năm 2020 là 31.719,11 ha, chiếm 69,56% tổng diện tích đất đai của địa phương. Tại đây, sản xuất lúa là một trong những hoạt động kinh tế chủ yếu của các nông hộ. Tuy nhiên, khảo sát thực tế của các hộ sản xuất và tham vấn cán bộ khuyến nông ở địa phương cho thấy phần lớn các hộ sản xuất lúa trên địa bàn canh tác trên nhiều thửa ruộng với diện tích thửa bình quân thường nhỏ hơn 1 sào (500 m²). Thực trạng này cũng được cung cấp thông qua báo cáo của Bộ Tài nguyên và Môi trường, diện tích đất bình quân hộ nông nghiệp chỉ vào khoảng 0,46 ha và trung bình được chia thành 2,83 thửa [14]. Để xem xét mối liên hệ giữa manh mún đất đai và an ninh lương thực của các hộ trồng lúa, nghiên cứu này tiến hành phân tích trường hợp ở Thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế. Kết quả nghiên cứu là cơ sở để làm rõ mối quan hệ

giữa đất đai manh mún và an ninh lương thực ở hộ gia đình; từ đó góp phần định hướng cho xây dựng các chính sách quản lý đất nông nghiệp ở địa phương.

2 Tổng quan nghiên cứu

Cholo và cs. [15] đã xây dựng các thước đo tình trạng an ninh lương thực của hộ gia đình, đó là tổng sản lượng lương thực sản xuất, mức chi trả của hộ gia đình cho thực phẩm, và lượng calo tiêu thụ của hộ gia đình trong 24 giờ qua. Smith và Subandoro [16] cũng đã đề cập bảy chỉ số để đánh giá mức độ an ninh lương thực của hộ gia đình. Một trong các chỉ số đó là phần trăm của tổng chi tiêu cho lương thực trong tổng thu nhập của hộ. Các nghiên cứu trước đây chỉ ra rằng các yếu tố về đặc điểm của hộ gia đình và đặc điểm của điều kiện sản xuất có thể ảnh hưởng đến tình trạng an ninh lương thực của hộ gia đình; trong đó, manh mún đất đai trong nông nghiệp cũng là một yếu tố có thể ảnh hưởng đến tình trạng mất an ninh lương thực đó [11, 15, 17].

Bên cạnh đó, một số nghiên cứu đã chỉ ra tác động của tình trạng manh mún đất đai đối với sinh kế của các hộ gia đình nông thôn. Lu và cs. [18] nhận thấy rằng đất đai manh mún làm giảm năng suất biên của lao động nông nghiệp và tăng cung lao động phi nông nghiệp [19]. Bên cạnh đó, tổng chi phí sản xuất tăng do đất đai manh mún ở Trung Quốc bởi vì các nông dân phải thuê nhiều lao động để sản xuất hơn và dẫn đến tổng chi phí sản xuất tăng theo [20]. Ngoài ra, có bằng chứng về hiệu quả sản xuất giảm do tình trạng phân mảnh đất đai ở Nepal [21]. Tuy nhiên, tình trạng manh mún đất đai cho thấy một số tác động tích cực ở một số khu vực, chẳng hạn như đất đai manh mún và quy mô nhỏ thúc đẩy tăng trưởng nông nghiệp ở Bihar, Ấn Độ [22]. Sự đa dạng hóa trong sản xuất nông nghiệp được kích thích bởi sự phân mảnh đất đai ở Albania [23]. Về mối quan hệ giữa manh mún đất đai và an ninh lương thực cho hộ gia đình, Cholo và cs. [15] xác nhận rằng chỉ số Simpson phù hợp để xác định tình trạng phân mảnh đất đai và nghiên cứu của ông đã khám phá mối quan hệ tích cực giữa an ninh lương thực hộ gia đình và sự phân mảnh đất đai ở Ethiopia. Trần và Vũ [24] nhận thấy rằng các hộ gia đình dân tộc thiểu số có chỉ số Simpson cao hơn dễ bị mất an ninh lương thực. Như vậy, nhiều nghiên cứu trước đây đã xem xét ảnh hưởng của tình trạng manh mún đất đai đối với phúc lợi hộ gia đình và an ninh lương thực như ở Ethiopia [23, 25, 24], Nepal [21], và Việt Nam [24]. Nghiên cứu này bổ sung trường hợp phân tích mối quan hệ giữa manh mún đất đai trong lĩnh vực sản xuất lúa với an ninh lương thực của hộ gia đình tại thị xã Hương Thủy.

3 Phương pháp nghiên cứu

3.1 Phương pháp thu thập số liệu

Thu thập số liệu thứ cấp: Số liệu và thông tin được thu thập từ các báo cáo của Ủy ban nhân dân (UBND) thị xã qua các năm, niên giám thống kê thị xã, từ các ban ngành và chính quyền địa phương, ngoài ra số liệu thứ cấp được thu thập qua thư viện, internet, truyền hình, web.

Thu thập số liệu sơ cấp: Dựa vào số liệu thống kê của Ủy ban nhân dân thị xã Hương Thủy. Nghiên cứu tiến hành thu thập số liệu sơ cấp cho các hộ trồng lúa ở 2 địa phương bao gồm xã Thủy Thanh và xã Thủy Phương. Hai địa bàn đại diện cho những địa phương có tổng diện tích lớn ở thị xã Hương Thủy. Nghiên cứu tiến hành khảo sát 90 hộ nông dân ở xã Thủy Thanh và 60 hộ ở xã Thủy Phương dựa vào phương pháp thu thập số liệu thuận tiện.

3.2 Phương pháp xử lý và phân tích số liệu

Chỉ số Simpson về manh mún đất đai: Để xác định mối quan hệ giữa manh mún đất đai và mất an ninh lương thực, nghiên cứu tính toán chỉ số phân mảnh đất đai bằng cách sử dụng chỉ số đa dạng hóa Simpson như trong các nghiên cứu trước đây [23, 15, 26]. Chỉ số Simpson được ước tính dựa trên số lượng ô (n), kích thước ô (a) với đơn vị tính m^2 và quy mô trang trại (A) với đơn vị tính m^2 [24]. Phạm vi của chỉ số Simpson nằm trong khoảng từ 0 đến 1, với chỉ số lớn hơn đề cập đến nhiều phân mảnh hơn [24]. Trong nghiên cứu này, chúng tôi chỉ tập trung vào chỉ số manh mún của đất lúa. Chỉ số Simpson về manh mún đất đai:

$$\text{Chỉ số Simpson} = (1 - \sum_{i=1}^n a_i^2 / A^2) \quad (1)$$

Ước tính mất an ninh lương thực của hộ: Smith và Subandoro [16] đã giới thiệu một bộ chỉ số đánh giá tình trạng mất an ninh lương thực ở cấp hộ gia đình. Tỷ lệ chi tiêu cho lương thực của hộ gia đình (PEF) trong tổng thu nhập của hộ trong 1 năm là một chỉ số chính của tình trạng mất an ninh lương thực. Nghiên cứu này áp dụng chỉ số này, đề cập đến tổng chi tiêu cho lương thực trên tổng thu nhập của hộ gia đình. Smith và Subandoro [16] đã đề cập rằng những hộ gia đình có chỉ số PEF lớn hơn 75% sẽ thuộc nhóm hộ không đảm bảo tình trạng an ninh lương thực ở mức độ nghiêm trọng.

Phương pháp phân tích định lượng: Các tài liệu cho thấy tình trạng mất an ninh lương thực hộ gia đình bị ảnh hưởng bởi sự manh mún ruộng đất và các yếu tố khác, chẳng hạn như đất đai và đặc điểm của hộ nông dân [27, 15, 28, 29]. Có nhiều phương pháp ước lượng bao gồm

mô hình Probit và logit. Ví dụ, Cholo và cs. [15] đã sử dụng mô hình Probit để ước tính tác động của tình trạng manh mún đất đai đối với tình trạng mất an ninh lương thực của các hộ gia đình ở Ethiopia. Tương tự, Tran và Vu [24] đã sử dụng mô hình Logit để chỉ ra tác động của các yếu tố đến mất an ninh lương thực của hộ gia đình ở Duyên hải Bắc Trung Bộ Việt Nam. Trong bài viết này, để giảm tác động phương sai thay đổi của phần sai số trong hồi quy tuyến tính [29], mô hình Probit đã được sử dụng để xác định mức độ ảnh hưởng của các nhân tố và chỉ số manh mún đất đai đến khả năng đảm bảo an ninh lương thực của hộ sản xuất lúa ở thị xã Hương Thủy. Mô hình hồi quy xác suất Probit có dạng:

$$Y = \beta_i X_i + \varepsilon_i \quad (2)$$

Trong đó: Biến phụ thuộc Y - hộ gia đình có chỉ tiêu cho lương thực trong tổng thu nhập lớn hơn 75% sẽ được coi là hộ gia đình không đảm bảo an ninh lương thực, nhận giá trị $Y=1$; nếu không; ngược lại hộ gia đình sẽ nhận giá trị $Y=0$. X_i là biến độc lập, thể hiện các yếu tố thuộc về đặc tính của chủ hộ và đặc điểm sản xuất của hộ, và ε_i là sai số. Các đặc tính của hộ sản xuất bao gồm giới tính, trình độ giáo dục, khoảng cách từ ruộng tới nhà, chỉ số manh mún đất đai, sự thay đổi giống sản xuất, sự thay đổi loại phân bón, sự tiết kiệm của hộ, năng suất lúa, và tiếp cận tín dụng. Các biến đã được sử dụng trong mô hình ước lượng đã được tham khảo từ các nghiên cứu của Trần và Vũ [24], Guo [28], Abdullah và cs. [29], Cholo và cs. [15].

4 Kết quả và thảo luận

4.1 Thông tin cơ bản về các hộ được điều tra

Các đặc điểm của hộ sản xuất có thể tác động đến mức độ đảm bảo an ninh lương thực của hộ gia đình [27]. Do đó, nghiên cứu đã khảo sát về đặc điểm của hộ gia đình. Phần lớn chủ hộ có độ tuổi trên 50 tuổi, chiếm khoảng 60% của tổng số hộ được điều tra (Bảng 1). Sản xuất lúa là một lĩnh vực truyền thống nên phần lớn chủ hộ là người lớn tuổi. Bên cạnh đó, giới tính của các chủ hộ sản xuất lúa phần lớn là nam giới do đặc thù của lĩnh vực của ngành sản xuất nông nghiệp, chiếm trên 85% của tổng số hộ sản xuất lúa được phỏng vấn. Các chủ hộ sản xuất lúa thường phải sử dụng rất nhiều sức lao động cho các hoạt động trong sản xuất nông nghiệp, do đó, nam giới có thể có ưu tiên hơn trong sản xuất trồng lúa.

Đặc biệt trên 80% của tổng số hộ sản xuất được điều tra có trình độ văn hóa dưới trung học cơ sở. Các chủ hộ sản xuất thường được truyền lại từ các thế hệ trước (cha ông) và phần lớn các

Bảng 1. Thông tin chung các hộ điều tra

Chỉ tiêu	Xã Thủy Thanh		Xã Thủy Phương		BQC	
	Số hộ	%	Số hộ	%	Số hộ	%
Tuổi						
Dưới hoặc bằng 50	34	37,78	19	31,67	53	35,33
Trên 50	56	62,22	41	68,33	97	64,67
Giới tính						
Nam	79	87,78	52	86,67	129	86,00
Nữ	11	12,22	8	13,33	29	14,00
Trình độ học vấn						
Dưới THCS	73	81,11	49	81,67	122	81,33
Trên THCS	17	18,89	11	18,33	28	18,67
Giống lúa sử dụng						
1: giống mới	61	67,78	41	68,33	102	68,00
0: giống lúa bình thường	29	32,22	19	31,67	48	32,00
Sự tiết kiệm của hộ						
1: Có	56	62,22	42	70,00	98	65,33
0: Không	34	37,78	18	30,00	52	34,67
Tiếp cận tín dụng						
1: Có	79	87,78	57	95,00	136	90,67
0: Không	11	12,22	3	5,00	14	9,33
Tổng	90	100,00	60	100,00	150	100,00

Nguồn: Kết quả xử lý số liệu điều tra, 2021

chủ hộ sản xuất đã tham gia phục vụ các hoạt động sản xuất lúa cho các chủ hộ sản xuất thế hệ trước, do đó, các chủ hộ sản xuất thường ít quan tâm đến việc tham gia hoàn thành các cấp độ giáo dục cao hơn. Đó cũng là lý do vì sao trình độ văn hóa của chủ hộ sản xuất lúa phần lớn là dưới cấp 2.

Một tỷ lệ lớn các hộ đã áp dụng giống lúa mới để giảm thiểu một số rủi ro trong sản xuất do ảnh hưởng của biến đổi khí hậu. Điều này cũng giúp các hộ giảm chi phí đầu tư để giảm rủi

ro trong sản xuất. Tỷ lệ hộ sử dụng giống lúa mới là 68% của tổng số hộ được phỏng vấn. Bên cạnh đó, tỷ lệ hộ gia đình có tiết kiệm chiếm tỷ lệ ở mức trung bình, khoảng 60%. Điều này có thể do hoạt động sản xuất nông nghiệp thường có nguồn thu không lớn, do đó, các hộ rất khó để dành được các khoản tiết kiệm.

Vai trò tín dụng thể hiện sự quan trọng trong sản xuất nông nghiệp. Tiếp cận tín dụng giúp hộ có đủ nguồn tài chính để chi trả cho các chi phí sản xuất đầu vào. Tỷ lệ các hộ tiếp cận tín dụng chiếm trên 90% của tổng số hộ được phỏng vấn.

4.2 Thực trạng manh mún đất đai tại địa bàn nghiên cứu

Nghiên cứu tiến hành khảo sát về số thửa, diện tích của mỗi thửa, và khoảng cách từ nhà của các hộ gia đình đến thửa sản xuất lúa. Từ đó, nghiên cứu tính toán chỉ số Simpson để ước tính mức độ manh mún bình quân của 2 địa bàn nghiên cứu. Chỉ số Simpson của 2 xã Thủy Phương và Thủy Thanh lần lượt là 0,55 và 0,63 (Bảng 2). Điều này thể hiện rằng thực trạng manh mún vẫn đang tồn tại ở mức trung bình tại 2 xã được tiến hành khảo sát. Tương tự, số thửa bình quân trên mỗi hộ sở hữu để sản xuất lúa giữa 2 địa bàn cũng có sự tương đồng, khoảng 2,5 thửa trên 1 hộ gia đình. Diện tích bình quân của mỗi thửa ở xã Thủy Thanh là cao hơn ở xã Thủy Phương, lần lượt là 184 m² và 136 m². Bên cạnh đó, khoảng cách bình quân từ nhà đến các thửa sản xuất ở xã Thủy Thanh cũng cao hơn ở xã Thủy Phương, lần lượt đạt 1220 m và 900 m.

4.3 Ảnh hưởng manh mún đất đai đến an ninh lương thực hộ gia đình

Nghiên cứu sử dụng mô hình Probit để phân tích nhân tố tác động đến tình trạng mất an ninh lương thực của hộ. Kết quả ước lượng được trình bày ở Bảng 3. Biến phụ thuộc Y được định nghĩa: Hộ sản xuất không đảm bảo an ninh lương thực nhận giá trị Y = 1 và hộ đảm bảo an ninh lương thực nhận giá trị Y = 0. Kết quả nghiên cứu (Bảng 3) chỉ ra rằng đất đai manh mún có tác

Bảng 2. Thực trạng manh mún đất đai tại vùng nghiên cứu

Chỉ tiêu	TB 2 xã nghiên cứu	Thủy Thanh	Thủy Phương
Chỉ số Simpson	0,59	0,63	0,55
Số thửa	2,5	2,96	2,73
Diện tích BQ/thửa (m ²)	160,33	184,00	136,67
Khoảng cách từ nhà đến thửa (m)	1060,00	1220,00	900,00

Nguồn: Xử lý số liệu điều tra, 2021

động tiêu cực đến an ninh lương thực của các hộ gia đình khi hệ số tác động từ kết quả hồi quy Probit là 0,836 và có ý nghĩa thống kê ở mức 5%. Điều này ngụ ý rằng hộ gia đình có chỉ số phân mảnh cao hơn có nhiều khả năng rơi vào tình trạng bị mất an ninh lương thực hơn so với hộ gia đình có chỉ số phân mảnh thấp. Nếu tăng tỷ lệ manh mún đất đai trong sản xuất lúa lên 1% thì xác suất hộ không đảm bảo an ninh lương thực là 25,8%. Thực tế là một hộ sản xuất có nhiều thửa đất sản xuất lúa khác nhau và phân tán sẽ làm gia tăng các chi phí đi kèm với quá trình canh tác như chi phí vận chuyển đầu vào giống, phân bón,... và chi phí di chuyển lao động [20]. Kết

Bảng 3. Ảnh hưởng của manh mún đất đai đến an ninh lương thực

Biến số	Hệ số	Hệ số tác động biên
	(Sai số chuẩn)	(Sai số chuẩn)
Chỉ số manh mún đất đai	0,836** (0,394)	0,258** (0,116)
Giới tính (1: Nam; 0: Nữ)	0,212 (0,272)	0,065 (0,084)
Trình độ giáo dục (Năm)	-0,013 (0,038)	-0,004 (0,012)
Khoảng cách từ ruộng đến nhà (Số phút di chuyển bằng xe máy)	0,000 (0,000)	0,000 (0,000)
Sự thay đổi giống sản xuất (1: Đã thay giống mới so với vụ trước; 0: không thay đổi giống)	-0,825*** (0,252)	-0,255*** (0,069)
Sự tiết kiệm của hộ (1: có tiết kiệm, tiền gửi; 0: Không tiết kiệm, tiền gửi)	-0,112 (0,236)	-0,035 (0,073)
Năng suất (kg/m ²)	-0,109 (0,151)	-0,034 (0,046)
Tín dụng (1: Có; 0: Không)	-0,207 (0,336)	-0,064 (0,104)
Số hộ điều tra	150	150

*, **, *** tương ứng mức ý nghĩa 10%, 5%, 1%

quả là thu nhập của hộ giảm do tăng chi phí sản xuất đi kèm với manh mún đất đai tăng. Từ đó, nhiều khả năng chi tiêu cho lương thực của hộ gia đình sẽ bị ảnh hưởng khi hộ gia đình giảm thu nhập. Kết quả này phù hợp với kết quả của nghiên cứu trước đây của Phan và cs. [11]. Bên cạnh đó, các mảnh đất diện tích nhỏ hơn thường gặp khó khăn trong canh tác, ví dụ như tiếp cận nguồn nước sản xuất, cơ giới hóa... từ đó tác động đến kết quả và hiệu quả sản xuất của nông hộ. Đất đai manh mún cũng có thể khiến các hộ gia đình gặp khó khăn hơn trong tăng năng suất, giảm chi phí sản xuất, tiếp cận thị trường và bán sản phẩm của nông hộ, điều này có thể làm hạn chế gia tăng thu nhập và khả năng mua lương thực của nông hộ. Nhìn chung, tình trạng manh mún đất đai có mối quan hệ với tình trạng mất an ninh ở địa bàn điều tra.

Liên quan đến lựa chọn giống sản xuất, nghiên cứu chỉ ra rằng nếu hộ áp dụng giống lúa cải tiến trong sản xuất sẽ tăng khả năng đảm bảo an ninh của hộ lên 25,5 % với P-value = 0,000. Thực tế là các hộ sản xuất thường sẽ thay thế các giống lúa cải tiến đạt chất lượng, năng suất cao hơn, và chống chịu được các bệnh và rủi ro trong quá trình sản xuất. Thêm nữa, sử dụng hạt giống cải tiến có thể giúp các hộ nông dân trồng thêm lương thực để đáp ứng nhu cầu của họ, đặc biệt nếu họ có ít đất canh tác. Hạt giống cải tiến cũng có thể kháng sâu bệnh tốt hơn, giúp giảm thiệt hại mùa màng và giúp các hộ gia đình duy trì nguồn cung cấp lương thực ổn định và đáng tin cậy. Ngoài ra, hạt giống cải tiến có thể có các đặc điểm tốt khác, chẳng hạn như thời hạn sử dụng lâu hơn hoặc giá trị dinh dưỡng tốt hơn, có thể góp phần đảm bảo an ninh lương thực hộ gia đình. Do đó, việc thay đổi giống mới giúp người sản xuất đạt năng suất cao hơn và tăng thu nhập để đảm bảo an ninh lương thực cho hộ gia đình. Kết quả này cũng phù hợp với các nghiên cứu trước đây [11, 15].

5 Kết luận và khuyến nghị

Việt Nam đã thực hiện nhiều cải cách chính sách đất đai kể từ sau năm 1986 để thúc đẩy phát triển kinh tế hộ và đảm bảo sinh kế của người dân nông thôn. Tuy nhiên, tình trạng manh mún đất canh hiện nay vẫn còn phổ biến và là rào cản cho sự phát triển của ngành nông nghiệp. Nghiên cứu này nhằm xác định mối liên hệ giữa tình trạng manh mún đất đai và tình trạng mất an ninh lương thực trong các hộ gia đình trồng lúa ở thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế. Chúng tôi đã sử dụng mô hình Probit với số liệu khảo sát 150 hộ gia đình sản xuất lúa ở địa bàn nghiên cứu.

Kết quả cho thấy rằng đất đai manh mún làm gia tăng tình trạng mất an ninh lương thực của hộ gia đình trồng lúa. Thực tế là đất đai manh mún sẽ làm tăng chi phí sản xuất, lao động và

thu hoạch lúa, và do đó, có thể dẫn đến làm giảm thu nhập của hộ gia đình. Điều này kéo theo nguy cơ giảm chi tiêu và dẫn đến gia tăng tình trạng mất an ninh lương thực của các hộ gia đình. Bên cạnh đó, nghiên cứu cũng tìm thấy nhân tố áp dụng giống lúa cải tiến trong sản xuất có thể góp phần cải thiện đảm bảo an ninh lương thực của hộ.

Xuất phát từ kết quả nghiên cứu, chúng tôi khuyến nghị một vài chính sách để giảm thiểu tình trạng mất an ninh lương thực trong hộ gia đình sản xuất lúa. Thứ nhất, kết quả cho thấy tình trạng manh mún đất đai trong sản xuất lúa làm tăng tình trạng mất an ninh lương thực của các hộ sản xuất lúa, đó đó dồn điền đổi thửa là việc cần thiết thực hiện trong thời gian tới. Dồn điền đổi thửa là việc điều chỉnh, sắp xếp lại các thửa đất khác nhau để tạo thành những thửa đất có quy mô lớn hơn, thuận lợi hơn cho canh tác. Điều này cũng đã được khẳng định bởi một nghiên cứu trước đó là kết hợp nhiều ô nhỏ thành các cụm lớn hơn và không đồng nhất có thể tăng cường an ninh lương thực [15]. Bên cạnh đó, chính phủ và các doanh nghiệp tư nhân có thể hợp tác để tiếp tục nâng cao chất lượng hạt giống lúa để. Các giống lúa mới được kỳ vọng nhằm giảm thiểu những rủi ro trong sản xuất lúa, có thể tăng năng suất, và gắn liền với đáp ứng tốt hơn thị hiếu người tiêu dùng. Điều đó sẽ khuyến khích người nông dân sử dụng các giống lúa mới để mang lại lợi ích kinh tế cao hơn cho hộ trong sản xuất lúa.

Tài liệu tham khảo

1. Nguyen Thai Phan, Pabuayon, I. M., Nguyen Duc Kien, Truong Quang Dung, Le Thanh An, and Nguyen Cong Dinh (2022), Factors Driving the Adoption of Coping Strategies to Market Risks of Shrimp Farmers: A Case Study in a Coastal Province of Vietnam, *Asian J. Agric. Rural Dev.*, 12(2), 65–74, doi: 10.55493/5005.v12i2.4444.
2. Nguyen Thi Ha Thanh, Thai Thi Quynh Nhu, Tran Van Tuan, Pham Thi Phin, Doan Quang Cuong, Vu Khac Hung, Doan Huong Giang, and Bui Quang Thanh (2020), Land Consolidation at the Household Level in the Red River Delta, Vietnam, *Land*, 9(6), 196, doi: 10.3390/land9060196.
3. GSO (2021), *Vietnam statistical yearbook 2021*, General Statistics Office, Hanoi, Statistical Publishing House.
4. Minister of Foreign Affairs (2017), Agriculture in Vietnam, *Embassy of the Netherlands in Hanoi and Consulate General in Ho Chi Minh City*, [Online]. Available: <http://aid.dfat.gov.au/Publications/Documents/agricultureinrimesofcrisis1999.pdf>.

5. Agboola, W. L., Yusuf, S. A., and Salman, K. K. (2019), Determinants of preference for land management practices among food crop farmers in North-Central Nigeria, *Nigeria Agricultural Journal*, 49(2), 13–21, [Online]. Available: <https://0-search.ebscohost.com.ujlink.uj.ac.za/login.aspx?direct=true&db=awn&AN=naj-189409&site=ehost-live&scope=site>.
6. Tran Quang Tuyen and Vu Van Huong (2019), Land fragmentation and household income: First evidence from rural Vietnam, *Land use policy*, 89, 104247, Dec. 2019, doi: 10.1016/j.landusepol.2019.104247.
7. World Bank Group (2016), *Transforming Vietnamese Agriculture*, World Bank, Washington, DC.
8. Ban Thời sự (2022), Mở rộng thị trường cho gạo Việt Nam.
9. Nguyễn Phương (2022), Tài chính nông nghiệp. Truy cập: <https://etime.danviet.vn/xuat-khau-gao-da-thu-ve-tren-323-ty-usd-thi-truong-giao-dich-soi-dong-dau-tuan-20221212114227087.htm#:~:text=T%C3%ADnh%20chung%20c%E1%BA%A3%2011%20th%C3%A1ng,%2C%20gi%E1%BA%A3m%208%2C1%25>.
10. Thi, N. P., Kappas, M., and Faust, H. (2021), Impacts of agricultural land acquisition for urbanization on agricultural activities of affected households: A case study in huong thuy town, thua thien hue province, vietnam, *Sustainability (Switzerland)*, 13(15), doi: 10.3390/su13158559.
11. Phan, N. T., Lee, J., and Kien, N. D. (2022), The Impact of Land Fragmentation in Rice Production on Household Food Insecurity in Vietnam, *Sustainability*, 14(18), 11162, doi: 10.3390/su141811162.
12. GSO (2018), *Vietnam statistical yearbook 2018*, General Statistics Office, Hanoi, Statistical Publishing House.
13. Chu Long, Nguyen Thi Minh Hoa, Kompas, T., Dang Khoi, and Bui Trinh (2021), Rice land protection in a transitional economy: The case of Vietnam, *Heliyon*, 7(4), e06754, doi: 10.1016/j.heliyon.2021.e06754.
14. Trần Ngọc (2017), Đất đai manh mún - Lực cản đầu tư dài hạn vào nông nghiệp. Available: <https://vov.vn/kinh-te/dat-dai-manh-mun-luc-can-dau-tu-dai-han-vao-nong-nghiep-613756.vov>
15. Cholo, T. C., Fleskens, L., Sietz, D., and Peerlings, J. (2019), Land fragmentation, climate

- change adaptation, and food security in the Gamo Highlands of Ethiopia, *Agric. Econ.*, 50(1), 39–49, doi: 10.1111/agec.12464.
16. Smith, L. C., and Subandoro, A. (2007), *Measuring Food Security Using Household Expenditure Surveys*. International Food Policy Research Institute.
 17. Knippenberg, E., Jolliffe, D., and Hoddinott, J. (2020), Land Fragmentation and Food Insecurity in Ethiopia, *Am. J. Agric. Econ.*, 102(5), 1557–1577, doi: 10.1002/ajae.12081.
 18. Lu, H., Xie, H., and Yao, G. (2019), Impact of land fragmentation on marginal productivity of agricultural labor and non-agricultural labor supply: A case study of Jiangsu, China, *Habitat Int.*, 83, 65–72, doi: 10.1016/j.habitatint.2018.11.004.
 19. Lon, Y., Hotta, K. and Nanseki, T. (2011), Impact of Land Fragmentation on Economic Feasibility of Farmers in Rice-Based Farming System in Myanmar, *Fac. Agric. Kyushu Univ.*, 56(1), 163–170.
 20. Wang, Y. Li, X., Lu, D., and Yan, J. (2020), Evaluating the impact of land fragmentation on the cost of agricultural operation in the southwest mountainous areas of China, *Land use policy*, 99, 105099, doi: 10.1016/j.landusepol.2020.105099.
 21. Niroula, G. S. and Thapa, G. B. (2007), Impacts of land fragmentation on input use, crop yield and production efficiency in the mountains of Nepal, *Land Degradation and Development*, 18, (3), 237–248, doi: 10.1002/ldr.771.
 22. Singh, R. K. P., et al. (2018), Farm Size and Productivity Relationship in Smallholder Farms: Some empirical evidences from Bihar, India, *J. Community Mobilization Sustain. Dev.*, 13(1), 61–67.
 23. Ciaian, P., Guri, F., Rajcaniova, M., Drabik, D., and Paloma, S. G. (2018), Land fragmentation and production diversification: A case study from rural Albania, *Land use policy*, 76, 589–599, doi: 10.1016/j.landusepol.2018.02.039.
 24. Tran Quang Tuyen and Vu Van Huong (2021), The impact of land fragmentation on food security in the North Central Coast, Vietnam, *Asia Pacific Policy Stud.*, p. app5.330, doi: 10.1002/app5.330.
 25. Zeng, S., Zhu, F., Chen, F., Yu, M., Zhang, S., and Yang, Y. (2018), Assessing the impacts of land consolidation on agricultural technical efficiency of producers: A survey from Jiangsu Province, China, *Sustainability (Switzerland)*, 10(7), doi: 10.3390/su10072490.
 26. Cholo, T. C., Fleskens, L., Sietz, D., and Peerlings, J. (2018), Is land fragmentation facilitating

- or obstructing adoption of climate adaptation measures in Ethiopia?, *Sustainability (Switzerland)*, 10(7), doi: 10.3390/su10072120.
27. Knippenberg, E., Jolliffe, D. and Hoddinott, J. (2020), Land Fragmentation and Food Insecurity in Ethiopia, *Am. J. Agric. Econ.*, 102(5), 1557–1577, doi: 10.1002/ajae.12081.
 28. Guo, B. (2011), Household Assets and Food Security: Evidence from the Survey of Program Dynamics, *J. Fam. Econ. Issues*, 32(1), 98–110, doi: 10.1007/s10834-010-9194-3.
 29. Abdullah, Deyi, Z., Tariq, S., Sajjad, A., Waqar, A., Izhar, U. D., and Aasir, I. (2019), Factors affecting household food security in rural northern hinterland of Pakistan, *J. Saudi Soc. Agric. Sci.*, 18(2), 201–210, doi: 10.1016/j.jssas.2017.05.003.